

Số: /KH-UBND

Măng Đen, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị các sản phẩm
nông nghiệp chủ lực (Cà phê, Chanh dây và Rau xứ lạnh)
xã Măng Đen giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Măng Đen lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Măng Đen về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/ĐU ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Măng Đen về phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn; xây dựng Măng Đen trở thành vùng sản xuất nông nghiệp đặc sản hàng hóa có thương hiệu, lấy người dân làm trung tâm của chuỗi giá trị;

Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030;

Thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp;

Ủy ban nhân dân xã Măng Đen ban hành Kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực (Cà phê, Chanh dây và Rau xứ lạnh) xã Măng Đen giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và của xã về phát triển nông nghiệp sinh thái, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển chuỗi giá trị nông sản; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về khí hậu, đất đai của xã Măng Đen để phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

- Phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với cây cà phê, chanh dây và rau xứ lạnh theo hướng hàng hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, từng bước xây dựng mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Hình thành và phát triển chuỗi giá trị từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ; tăng cường liên kết giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và thu nhập cho người sản xuất.

- Xây dựng thương hiệu “**Nông sản Măng Đen**” gắn với phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông nghiệp và thị trường tiêu thụ bền vững; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, định hướng phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương.

- Phát triển vùng nguyên liệu theo hướng tập trung, ổn định, không phát triển tự phát; tổ chức sản xuất theo quy trình kỹ thuật, sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ hoặc các tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu thị trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, hệ thống tưới tiết kiệm, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và quản lý mã số vùng trồng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

- Phát huy vai trò của hợp tác xã trong tổ chức sản xuất, doanh nghiệp trong liên kết tiêu thụ, chế biến; huy động hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, doanh nghiệp, hợp tác xã và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển đồng bộ vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã Măng Đen gồm **cà phê, chanh dây và rau xứ lạnh** theo hướng tập trung, hiện đại, sinh thái và bền vững; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, phát triển sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, gắn với mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Xây dựng thương hiệu “**Nông sản Măng Đen**”, nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp; phát triển các hình thức liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân, góp phần nâng cao thu nhập, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phát triển vùng nguyên liệu

- Đối với cây cà phê:

+ Duy trì và phát triển ổn định khoảng 950 ha cà phê theo quy hoạch.

+ Trồng mới khoảng 250 ha, tái canh khoảng 100 ha cà phê già cỗi bằng giống chất lượng cao.

+ Hình thành ít nhất 03 vùng nguyên liệu tập trung gắn với hợp tác xã và doanh nghiệp liên kết tiêu thụ.

- Đối với cây chanh dây:

- + Phát triển ổn định khoảng 200 ha chanh dây tập trung.
- + Hình thành tối thiểu 03 vùng nguyên liệu phục vụ liên kết sản xuất và xuất khẩu.
- Đối với rau xứ lạnh:
- + Phát triển vùng sản xuất tập trung đạt khoảng 200 ha.
- + Hình thành từ 03-05 vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và phát triển du lịch.

b) Tổ chức sản xuất

- 100% diện tích phát triển mới sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng.
- Trên 80% diện tích áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP hoặc tiêu chuẩn tương đương; từng bước mở rộng sản xuất hữu cơ.
- Trên 70% diện tích ứng dụng tưới tiết kiệm, cơ giới hóa và chuyển đổi số trong quản lý sản xuất.
- Trên 80% diện tích sử dụng phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học và áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).

c) Quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc

- Có ít nhất 80% diện tích vùng nguyên liệu được cấp và duy trì mã số vùng trồng.
- 100% sản phẩm tham gia chuỗi giá trị được truy xuất nguồn gốc bằng mã QR.
- Hình thành cơ sở sơ chế, đóng gói đáp ứng yêu cầu tiêu thụ và xuất khẩu đối với các ngành hàng chủ lực.

d) Phát triển liên kết chuỗi giá trị

- Trên 80% hộ sản xuất tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc các hình thức liên kết sản xuất.
- Có ít nhất 05 hợp tác xã tham gia phát triển vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị.
- Trên 90% sản lượng các sản phẩm chủ lực được tiêu thụ thông qua hợp đồng liên kết với doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

đ) Xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường

- Hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu đối với các sản phẩm Cà phê Măng Đen, Chanh dây Măng Đen và Rau xứ lạnh Măng Đen.
- Chuẩn hóa bao bì, nhãn hiệu, tem truy xuất nguồn gốc; phát triển các sản phẩm OCOP và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, hướng tới xuất khẩu.
- Gắn phát triển thương hiệu nông sản với phát triển du lịch nông nghiệp và xúc tiến thương mại.

e) Chuyển đổi số

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về vùng nguyên liệu, hộ sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp.

- 100% vùng nguyên liệu tập trung được quản lý trên hệ thống bản đồ số; 100% hợp tác xã tham gia chuỗi giá trị áp dụng phần mềm hoặc nền tảng số trong quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển vùng nguyên liệu tập trung, ổn định và bền vững

- Rà soát, quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu tập trung đối với cây cà phê, chanh dây và rau xứ lạnh phù hợp với điều kiện tự nhiên, quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh; khuyến khích tích tụ đất đai, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với hợp tác xã và doanh nghiệp.

- Quản lý chặt chẽ quy hoạch vùng nguyên liệu, không để phát triển tự phát; xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số phục vụ công tác quản lý, điều hành và dự báo sản xuất.

- Gắn phát triển vùng nguyên liệu với bảo vệ tài nguyên đất, nước, phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Phát triển sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng và nông nghiệp bền vững

- Đẩy mạnh sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu của từng thị trường.

- Khuyến khích sử dụng giống chất lượng cao, hệ thống tưới tiết kiệm, cơ giới hóa, phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học và áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).

- Xây dựng các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và nông nghiệp tuần hoàn để nhân rộng trên địa bàn.

- Tăng cường kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào, bảo đảm an toàn thực phẩm; tổ chức đào tạo, tập huấn và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân và hợp tác xã.

3. Xây dựng và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

- Rà soát, lựa chọn các vùng sản xuất đủ điều kiện để xây dựng và cấp mã số vùng trồng theo quy định; ưu tiên các vùng sản xuất phục vụ liên kết tiêu thụ và xuất khẩu.

- Hướng dẫn người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các quy định về nhật ký sản xuất, quản lý vật tư đầu vào, kiểm soát dịch hại, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng, quản lý và duy trì mã số cơ sở đóng gói; thường xuyên kiểm tra việc duy trì các điều kiện của mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của thị trường.

4. Phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về vùng nguyên liệu, hộ sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp; quản lý vùng nguyên liệu trên nền tảng bản đồ số (GIS).

- Triển khai nhật ký sản xuất điện tử, áp dụng mã QR truy xuất nguồn gốc và từng bước số hóa toàn bộ quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, thống kê, dự báo sản lượng, kết nối cung cầu và điều hành phát triển chuỗi giá trị.

5. Phát triển sơ chế, chế biến và bảo quản sau thu hoạch

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư cơ sở sơ chế, đóng gói, kho bảo quản, kho lạnh và chế biến nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Đối với cà phê, ưu tiên phát triển chế biến cà phê đặc sản, rang xay và các sản phẩm chế biến sâu.

- Đối với chanh dây, phát triển các sản phẩm chế biến như nước ép, puree, đông lạnh, sấy và các sản phẩm có giá trị gia tăng.

- Đối với rau xứ lạnh, đầu tư hệ thống sơ chế, đóng gói và chuỗi logistics lạnh nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao chất lượng sản phẩm.

6. Phát triển nhãn hiệu, bao bì, thương hiệu và sở hữu trí tuệ

- Chuẩn hóa hệ thống bao bì, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc và mã QR đối với tất cả các sản phẩm tham gia chuỗi giá trị.

- Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu chung cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã Măng Đen; phát triển và quảng bá các thương hiệu:

- + **Cà phê Măng Đen;**

- + **Chanh dây Măng Đen;**

- + **Rau xứ lạnh Măng Đen.**

- Hỗ trợ các hợp tác xã, doanh nghiệp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, mã số mã vạch và các quyền sở hữu trí tuệ theo quy định.

- Phát triển các sản phẩm OCOP, sản phẩm chế biến sâu và các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; nâng cao chất lượng mẫu mã, bao bì đáp ứng yêu cầu của hệ thống phân phối hiện đại và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và các sự kiện xúc tiến thương mại của địa phương.

7. Phát triển thị trường tiêu thụ và xúc tiến thương mại

- Mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, từng bước phát triển thị trường xuất khẩu đối với các sản phẩm có lợi thế.

- Tăng cường liên kết với doanh nghiệp chế biến, doanh nghiệp xuất khẩu, hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, các khu du lịch, khách sạn và sàn thương mại điện tử.

- Chủ động cập nhật thông tin thị trường, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu của từng thị trường để hướng dẫn các chủ thể sản xuất.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm trên nền tảng số và các phương tiện truyền thông.

8. Phát triển liên kết chuỗi giá trị và thu hút đầu tư

- Phát triển các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất trên cơ sở hợp đồng liên kết ổn định, minh bạch và hài hòa lợi ích.

- Nâng cao năng lực quản trị của các hợp tác xã; phát huy vai trò của hợp tác xã trong tổ chức sản xuất, quản lý vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng và kết nối thị trường.

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào vùng nguyên liệu, sơ chế, chế biến, bảo quản, logistics và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích đầu tư các dự án chế biến sâu.

9. Huy động nguồn lực và cơ chế hỗ trợ

Lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển nông nghiệp, khuyến nông và các dự án hỗ trợ để đầu tư phát triển chuỗi giá trị chanh dây. Đồng thời huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tín dụng và người dân; khuyến khích xã hội hóa đầu tư vào vùng nguyên liệu, sơ chế, chế biến và tiêu thụ; chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

10. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo từng giai đoạn.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện; nhân rộng các mô hình sản xuất, liên kết và chuyển đổi số có hiệu quả.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ thương hiệu nông sản Măng Đen; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Giai đoạn năm 2026

- Tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Kế hoạch đến các cơ quan, đơn vị, hợp tác xã, doanh nghiệp và người dân.

- Rà soát hiện trạng sản xuất, xác định vùng nguyên liệu đối với cây cà phê, chanh dây và rau xứ lạnh; cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý.

- Xây dựng kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu; lựa chọn các vùng đủ điều kiện để triển khai xây dựng mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói.

- Xây dựng các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật, tưới tiết kiệm, cơ giới hóa và chuyển đổi số trong sản xuất.

- Hỗ trợ củng cố, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác; kết nối doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu nông sản Măng Đen.

2. Giai đoạn năm 2027-2028

- Mở rộng diện tích vùng nguyên liệu theo quy hoạch; nâng cao chất lượng, năng suất và hiệu quả sản xuất.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, mở rộng diện tích được cấp và duy trì mã số vùng trồng; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm chủ lực.

- Thu hút đầu tư phát triển cơ sở sơ chế, đóng gói, bảo quản, chế biến; từng bước hoàn thiện hệ thống logistics phục vụ tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và từng bước tham gia thị trường xuất khẩu.

- Định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

4. Giai đoạn năm 2029-2030

- Hoàn thành các mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu đối với cây cà phê, chanh dây và rau xứ lạnh theo Kế hoạch.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc và cơ sở dữ liệu số.

- Nâng cao tỷ lệ sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, tiêu thụ thông qua hợp đồng liên kết và tham gia các chuỗi giá trị bền vững.

- Tiếp tục phát triển thương hiệu “**Nông sản Măng Đen**”, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Tổ chức tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; đánh giá kết quả đạt được, rút kinh nghiệm và đề xuất định hướng phát triển giai đoạn tiếp theo.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khoa học và công nghệ, khuyến nông, chuyển đổi số và các chương trình, dự án hợp pháp khác.

- Nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, liên kết sản xuất, cung ứng giống, vật tư, đầu tư cơ sở sơ chế, bảo quản, chế biến, đóng gói, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm.

- Nguồn vốn của các hợp tác xã, tổ hợp tác và thành viên hợp tác xã để đầu tư phát triển sản xuất, tổ chức liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học kỹ thuật, xây dựng và duy trì mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, nâng cao năng lực quản trị và mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch và giải pháp triển khai thực hiện; chủ động lồng ghép các chương trình, dự án và nguồn lực để phát triển vùng nguyên liệu, chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

- Chủ trì rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu; theo dõi tình hình phát triển diện tích, năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm và kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch.

- Hướng dẫn xây dựng, quản lý và duy trì mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; phối hợp kiểm tra việc thực hiện các quy định về truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật và các tiêu chuẩn phục vụ tiêu thụ, xuất khẩu.

- Chủ trì kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã và các chủ thể sản xuất; tham mưu tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm OCOP.

- Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã

- Phối hợp với Phòng Kinh tế tổ chức chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về giống, quy trình canh tác, quản lý dịch hại, thu hoạch và bảo quản sản phẩm theo hướng an toàn, bền vững.

- Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, sản xuất hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), tưới tiết kiệm và các giải pháp canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ người dân, hợp tác xã thực hiện nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc và ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý sản xuất.

3. Các hợp tác xã, tổ hợp tác

- Tổ chức, vận động thành viên tham gia phát triển vùng nguyên liệu và sản xuất theo quy hoạch, quy trình kỹ thuật thống nhất.

- Thực hiện liên kết với doanh nghiệp trong cung ứng giống, vật tư, dịch vụ kỹ thuật, thu mua và tiêu thụ sản phẩm.
- Quản lý vùng nguyên liệu; hướng dẫn thành viên thực hiện nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc và duy trì các điều kiện của mã số vùng trồng.
- Đại diện thành viên ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.
- Chủ động xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm OCOP và mở rộng thị trường tiêu thụ.

4. Các doanh nghiệp liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ

- Chủ động liên kết với hợp tác xã và người dân trong phát triển vùng nguyên liệu; ký kết hợp đồng thu mua, tiêu thụ sản phẩm ổn định, lâu dài.
- Hỗ trợ giống, vật tư, kỹ thuật và hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của thị trường.
- Đầu tư hoặc phối hợp đầu tư cơ sở sơ chế, đóng gói, bảo quản và chế biến; thực hiện truy xuất nguồn gốc và hoàn thiện hồ sơ phục vụ tiêu thụ, xuất khẩu.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; kịp thời cung cấp thông tin về nhu cầu thị trường và yêu cầu kỹ thuật cho các chủ thể tham gia chuỗi giá trị.

5. Các thôn và hộ sản xuất

a) Các thôn thuộc xã

- Tuyên truyền, vận động người dân tham gia phát triển vùng nguyên liệu, hợp tác xã và các mô hình liên kết sản xuất.
- Phối hợp với Phòng Kinh tế và Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã rà soát, cập nhật diện tích trồng, hộ sản xuất và tình hình phát triển vùng nguyên liệu trên địa bàn.
- Theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh để Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo giải quyết.
- Phối hợp kiểm tra việc chấp hành các quy định về sử dụng vật tư nông nghiệp, bảo vệ môi trường, duy trì mã số vùng trồng và bảo vệ thương hiệu sản phẩm địa phương.

b) Hộ sản xuất trên địa bàn xã

- Chủ động tham gia các hợp tác xã, tổ hợp tác và các mô hình liên kết sản xuất; thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng liên kết.
- Thực hiện sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật; sử dụng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo quy định; bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.
- Thực hiện đầy đủ việc ghi chép nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc; phối hợp duy trì các điều kiện của mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói.

- Chủ động ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số và phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phát triển vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị chanh dây.

- Vận động hội viên tham gia các hợp tác xã, tổ hợp tác, các mô hình liên kết sản xuất; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số trong sản xuất.

- Phối hợp giám sát việc thực hiện Kế hoạch; phản ánh ý kiến, kiến nghị của người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Trưởng thôn; Giám đốc các hợp tác xã; các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân xã (*qua Phòng Kinh tế xã tổng hợp, tham mưu*) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Trung tâm Cung ứng DVC xã;
- Lưu: VT, PKT, VP.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Nhật Trường